Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 109

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ AN BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Hồ Chí Minh	Tiếp giáp địa giới hành chính thôn Sỏi, xã Phú Thành (cũ)	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy (cũ)	2.500	2.150	1.800	2.000	1.730	1.450	1.750	1530	1.280
2	Đường Tỉnh lộ 438B	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Khoan Dụ (cũ)	Ngã ba nhà văn hóa cũ thôn Vỏ (lối đi thôn Đừng)	1.600	1.380	1.160	1.280	1.110	930	1.120	980	820
3		Ngã ba nhà văn hóa cũ thôn Vỏ	Nhà ông Bùi Đình Tứ	2.000	1.720	1.440	1.600	1.380	1.160	1.400	1220	1.020
4		Nhà ông Bùi Đình Tứ	Ngã 3 nhà bà Nguyễn Thị Tươi - thôn Liên Phú 3	1.400	1.210	1.010	1.120	970	820	980	860	720
5		Nhà bà Đinh Thị Lựu thôn Liên Phú 3	Tiếp giáp địa giới hành chính xã An Bình cũ (cầu Sòng Quần)	2.000	1.720	1.440	1.600	1.380	1.160	1.400	1220	1.020
6		Tiếp giáp địa giới hành chính xã Thống Nhất cũ (đầu cầu Sòng Quần)	Ngã tư Đại Đồng	2.000	1.720	1.440	1.600	1.380	1.160	1.400	1220	1.020
7		Ngã tư Đại Đồng	Đi qua dốc sung thôn Chợ Đập đến khe suối Ninh Ngoại	2.500	2.150	1.800	2.000	1.730	1.450	1.750	1530	1.280
8		Khe suối giáp địa giới thôn Ninh Ngoại	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Thạch Bình cũ (nay là xã Phú Sơn, tỉnh Ninh Bình)	2.000	1.720	1.440	1.600	1.380	1.160	1.400	1220	1.020
9	Đường liên xã	Núi Một thôn An Sơn 2 đi thôn Đồng Vạn	Giáp địa giới hành chính xã Gia Lâm, tỉnh Ninh Bình	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650
10		Đầu cầu chợ Đập đi qua nhà ông Nguyễn Văn Mạc thôn Đồng Bầu	Địa giới hành chính xã Gia Lâm, tỉnh Ninh Bình	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
11	Đường liên xã	Nhà ông Nguyễn Văn Toản đi qua ngã tư thôn Tiên Lữ và qua ngã ba Dốc Kẽm thôn Đồng Rặt	Nhà ông Dương Văn Cát thôn Đồng Rặt	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650
12		Ngã 3 Đường nhà bà Vũ Thị Khuê, thôn Đồng Rặt	Nhà ông Bùi Văn Cường, thôn Đồng Rặt	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
13		Nhà trẻ cũ thôn Mán	Đầu cầu Gạo Bạc	1.500	1.290	1.080	1.200	1.040	870	1.050	920	770
14		Cầu Gạo Bạc	Suối Giàng, thôn Măng	1.250	960	750	1.000	780	610	880	690	550
15		Suối Giàng, thôn Măng	Giáp địa giới hành chính xã My Hòa, huyện Kim Bôi (cũ)	1.100	850	660	880	680	540	770	610	480
16		Đầu cầu Treo đi thôn Thơi	Ngã ba suối Niếng, thôn Thơi	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
17		Ngã ba suối Niếng, thôn Thơi đi qua đình Niếng, thôn Niếng	Hết địa phận xã An Bình, giáp xã Bảo Hiệu	700	540	420	560	440	340	490	390	310
18		Đầu câu Treo đi thôn Cui	Hết địa phận xã An Bình, giáp xã Bảo Hiệu	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
19		Cầu sông Bôi	Tiếp giáp đường 438B (nhà ông Lê Văn Hưng)	2.200	1.210	880	880	490	360	660	370	270
20		Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh, thôn Chín	Đầu cầu Tây giáp địa giới hành chính xã An Nghĩa	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
21		Tiếp giáp 438B thôn Vỏ lối đi thôn Đừng	Hết thửa đất ở nhà Bùi Khánh Hiền thôn Vỏ	850	660	510	680	530	420	600	470	370
22		Hết thửa đất ở nhà Bùi Khánh Hiền thôn Vỏ	Tiếp giáp xã Bảo Hiệu cũ	700	540	420	560	440	340	490	390	310
23		Tiếp giáp đường tỉnh 438B (nhà văn hóa thôn Liên Phú)	Ngã ba nhà ông Bùi Quốc Việt (Lai) thôn Đừng	700	540	420	560	440	340	490	390	310
24		Tiếp giáp đường tỉnh 438B đi cầu An Lạc	Ngã ba dốc nhà máy đi hội trường thôn Cú Đẻ	900	690	540	720	560	440	630	500	390
25		Ngã tư nhà ông Trần Văn Hiển	Cầu Tây	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
26		Ngã ba giáp đường tỉnh 438B	Giáp địa giới hành chính xã Khoan Dụ cũ	800	600	500	650	400	300	600	350	200
27		Nhà ông Thế	Giáp địa giới xã An Nghĩa, thôn Bến Nghĩa	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650
28		Ngã ba đầu cầu sông Bôi đường đi thôn Liên Sơn, xã Lạc Thủy	Hết địa giới hành chính xã An Bình, thôn Liên Hồng đường đi thôn Liên Sơn, xã Lạc Thủy	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650
30		Nhà ông Tưởng giáp đường 438B	Nhà ông Bùi Thiện Dũng	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
31		Ngã ba Rộc In	Trường tiểu học Minh Thành	800	600	500	650	400	300	600	350	200
32		Dốc nhà máy đi qua thôn Hợp Thành	Giáp xã Bảo Hiệu cũ	700	390	280	400	250	200	350	200	160
33		Ngã ba hộ ông Đinh Văn Huy đi qua khu Ao Lươn	Hộ ông Lâm Văn Luân, thôn Liên Phú	800	600	500	650	400	300	600	350	200
34	Đường liên xã	Nhà ông Đinh Văn Trường đi cầu Đa Lồm	Đường cầu Tây đi thôn Chín	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
35		Ngã ba đi qua nhà ông Đinh Kim Thành đi thôn Đức Bình	Ngã tư Đại Đồng	1.300	1.000	780	1.040	810	630	910	720	570
36		Đường ngã ba nhà ông Bùi Văn Lập, thôn Đinh Nội đi thôn Cây Rường	Đỉnh dốc Sườn Bò	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
37		Ngã ba hộ ông Hoàng Văn Đăng đi thôn Ninh Ngoại ra khu Ao Sen	Ngã tư nhà ông Bùi Huy Cường, thôn chợ Đập	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
38		Ngã ba Sòng Cạn, thôn Thắng Lợi đi qua nhà văn hóa thôn Cây Rường	Ngã ba nhà ông Bùi Thiện Dũng, thôn Cây Rường	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
39		Ngã ba dốc Kẽm nhà ông Bùi Văn Thọ	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Thư, thôn Đồng Vạn	1.500	1.150	900	1.200	930	730	1.050	830	650

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
40	Đường liên xã	Đầu cầu treo thôn Cui	Tiếp giáp với đường từ cầu treo thôn Thơi đi xã Bảo Hiệu trên địa bàn thôn Cui	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
42		Ngã ba sân vận động xã Đồng Môn cũ	Hết đất nhà Bùi Văn Dũng (Châm) thôn Đừng	400	220	160	250	220	180	220	180	160
43		Ngã 3 nhà ông Bùi Văn Xếp (Khuy) thôn Đừng	Ngã ba nhà ông Bùi Duy Phong (Xắp) thôn Đừng	400	220	160	250	220	180	220	180	160
44		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Đức thôn Cú Đẻ	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Khoa (Dinh) thôn Cú Đẻ	400	220	160	250	220	180	220	180	160
45		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Tài (Huê) thôn Cú Đẻ	Nhà ông Bùi Văn Bội thôn Cú Đẻ	400	220	160	250	220	180	220	180	160
46		Ngã ba sân thể thao Thôn Vôn	Hết đất nhà ông Bùi Văn Thủy (Hà) thôn Vôn	550	310	220	280	250	180	250	200	180
47		Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Đào thôn An Phú	Hết đất nhà ông Đặng Đắc Dũng (Lâm) thôn An Phú	650	360	260	400	230	200	300	250	200
48		Ngã ba nhà ông Quách Văn Huy (Don) thôn Tân Thành	Hết đất nhà ông Bùi Văn Nhàn (Dần) thôn Minh Thành	500	310	220	280	250	180	250	170	160
49		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Phòng (Hồng) thôn Tân Thành)	Hết đất nhà ông Trần Đình Trịnh (Huệ) thôn Tân Thành	500	310	220	280	250	180	250	170	160
50		Ngã ba nhà ông Hiền đi qua cầu bến Chiềng Thôn Hợp Thành	Nhà ông Phạm Đức Thiện (Xuyến) thôn Hợp Thành	400	220	160	250	220	180	220	180	160
51		Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Tươi thôn Liên Phú 3	Nhà ông Bùi Văn Đoan (Hiếu) thôn Liên Phú 3	850	660	510	680	530	420	600	470	370

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
52	Đường trục thôn	Ngã ba nhà bà Bùi Thị Cúc thôn Liên Phú 3	Nhà ông Bùi Văn Tỉnh (Quy) thôn Liên Phú 3	900	690	540	720	560	440	630	500	390
53		Ngã ba nhà Vũ Văn Tập (Thảo) thôn An Phú	Ngã ba nhà ông Ngô Đức Mạnh thôn Thắng Lợi	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
54		Ngã ba nhà ông Bùi Thiện Dũng thôn Cây Rường	Nhà ông Phạm Văn Tâm (Hiếu) thôn Liên Phú 3	600	450	300	400	300	200	250	200	160
55		Nhà văn hóa cú Rộc Rong thôn Cây Rường	Nhà ông Nguyễn Văn Phúc thôn Cây Rường	600	450	300	400	300	200	250	200	160
56		Ngã ba gần nhà ông Trần Văn Ba thôn Cây Rường	Nhà ông Nguyễn Văn Quân thôn Cây Rường	600	450	300	400	300	200	250	200	160
57		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Năm thôn Cây Rường	Hết đất nhà Nguyễn Văn Thắng thôn Cây Rường	600	450	300	400	300	200	250	200	160
58		Ngã ba Nhà Bùi Văn Tính thôn Đại Đồng	Trường mầm non A cũ thôn Đại Đồng	1.300	1.000	780	1.040	810	630	910	720	570
59		Ngã ba nhà ông Bùi Đăng Khoan thôn Chợ Đập	Ngã tư nhà bà Nguyễn Thị Xuân thôn Ninh Ngoại	1.300	1.000	780	1.040	810	630	910	720	570
60		Ngã ba nhà ông Bùi Hồng Ngân thôn Ninh Ngoại	Ngã ba giáp nhà Đinh Văn Thuận thôn Đại Đồng	1.000	800	600	700	550	400	500	400	300
61		Ngã ba nhà Nguyễn Mạnh Cường thôn Chợ Đập	Nhà Nguyễn Văn Biên (giáp sông Đập) thôn Đại Đồng	1.200	920	720	960	740	580	840	660	520
62		Ngã ba gần nhà văn hóa thôn Ninh Nội	Nhà Bùi Thái Học thôn Ninh Nội	800	600	500	650	400	300	600	350	200
63		Ngã ba nhà bà Đinh Thị Ngọ thôn Đồng Bầu	Hết nhà Trịnh Quốc Lập thôn Đồng Bầu	800	600	500	650	400	300	600	350	200
64		Ngã tư gần nhà văn hóa thôn Phú Tường	Nhà ông Quách Văn Tôn; nhà ông Đinh Công Hậu	800	600	500	650	400	300	600	350	200
65		Ngã tư gần nhà văn hóa thôn Phú Tường	Nhà bà Quách Thị Luyện thôn Tiên Lữ	900	690	540	720	560	440	630	500	390

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
66	Đường trục thôn	Ngã ba gần nhà thờ họ Bùi thôn Đồng Vạn	Hết nhà ông Bùi Văn Phú thôn Đồng Vạn	850	660	510	680	530	420	600	470	370
67		Ngã ba nhà bà Bùi Thị Thao thôn Đồng Rặt	Nhà ông Quách Văn Khánh; Nhà ông Nguyễn Văn Hùng	850	660	510	680	530	420	600	470	370
68		Ngã ba trường mầm non A thôn Đồng Rặt	Nhà ông Bùi Văn Bốn thôn Đồng Rặt	800	600	500	650	400	300	600	350	200
69		Ngã ba nhà ông Quách Tất Lân thôn Đồng Huống	Ngã ba tiếp giáp đường cầu Tây đi Hưng Thi cũ (nhà bảo vệ Dự án 661)	800	600	500	650	400	300	600	350	200
70	Khu đấu giá, tái định cư	Lô đất:Thửa 63 tờ bản đồ số 13 (Trạm phát lại xã An Bình)		3.000			1.200			900		
71		Lô đất:Thửa 74 tờ bản đồ số 46 (Nhà Văn hoá An Sơn 1, xã An Bình)		1.000			700			500		
72		Khu dân cư mới thôn Ninh Nội, xã An Bình (Khu đấu giá - tờ bản đồ số 64)		2.500			2.000			1.750		
73	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			360			290			260		